

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2025/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ thêm kinh phí đóng bảo hiểm xã hội
cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;*

*Xét Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thêm kinh phí
đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa
bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại
kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thêm
kinh phí đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thêm kinh phí đóng bảo hiểm
xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh
Ninh Bình giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thường trú trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định của Luật Cư trú thuộc các đối tượng:

- a) Người tham gia thuộc hộ nghèo.
 - b) Người tham gia thuộc hộ cận nghèo.
 - c) Người tham gia là người dân tộc thiểu số.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ

Ngoài mức hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm kinh phí đóng theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định tại khoản 2 Điều 31 và khoản 1 Điều 36 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, cụ thể:

- a) Người tham gia thuộc hộ nghèo: Hỗ trợ thêm 30% trên tổng mức đóng.
- b) Người tham gia thuộc hộ cận nghèo: Hỗ trợ thêm 20% trên tổng mức đóng.
- c) Người tham gia là người dân tộc thiểu số: Hỗ trợ thêm 20% trên tổng mức đóng.

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này thì được hỗ trợ theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

2. Thời gian hỗ trợ

a) Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ theo thời gian thực tế đóng bảo hiểm xã hội trong giai đoạn 2026-2030 (bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030).

b) Trường hợp người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đã đăng ký đóng bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 theo các phương thức đóng 03 tháng hoặc 06 tháng hoặc 12 tháng một lần hoặc đóng một lần cho nhiều năm về sau mà trong đó đã đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trở đi thì việc hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này được thực hiện kể từ thời điểm chu kỳ đóng tiếp theo.

c) Trường hợp người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đóng theo các phương thức đóng 03 tháng hoặc 06 tháng hoặc 12 tháng một lần hoặc đóng một lần cho nhiều năm về sau mà trong đó có thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2031 trở đi thì việc hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này chỉ được thực hiện đối với thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.
2. Từ nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài Chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XL VPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính